

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Chiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Ông Đặng Hữu Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990.

Cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hồng Cu D, sinh năm 1984.

Cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 324, quyển số 02, ngày 16/12/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, tính tình không hòa hợp; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Hồng Ánh N, sinh ngày 08/11/2010 và Hồng Thị Pha L, sinh ngày 23/01/2013. Hiện hai con chung đang sống cùng bà L. Sau ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung; bà không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Hồng Cu D vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà L. Tại phiên tòa, ông D tiếp tục vắng mặt không lý do.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L; về con chung hiện 02 con chung Hồng Ánh N và Hồng Thị Pha L đang sống ổn định cùng bà L nên chấp nhận yêu cầu của bà L giao 02 con chung cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện tranh chấp ly hôn với ông Hồng Cu D. Ông D cư trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà L và ông D tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 16/12/2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết, bà L xác định không còn tình cảm với ông D, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà L về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông D tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông D không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Hồng Ánh N, sinh ngày 08/11/2010 và Hồng Thị Pha L, sinh ngày 23/01/2013. Xét thấy, thời gian sống ly thân con chung do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng bà L. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho hai con chung khi bà L và ông D ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà L là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông D được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn ông Hồng Cu D.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Hồng Ánh N, sinh ngày 08/11/2010 và Hồng Thị Pha L, sinh ngày 23/01/2013.

Bà L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu.

Bà L phải tạo điều kiện cho ông D được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000842, ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Hồng Cu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND thành phố L;
- Thi hành án DS thành phố L;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**Hà Thị Chiền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Chiền**









